



CÁC CAM KẾT QUÂN SỰ BÊN NGOÀI CỦA NHẬT BẢN

Nguồn: Christopher Hughes (2008). "Chapter Five: Japan's External Military Commitments", *The Adelphi Papers*, 48:403, pp. 79-98.

Biên dịch: Trương Thị Thanh Hiền | **Hiệu đính:** Nguyễn Thế Phương

Quá trình tái quân sự hóa ở bên ngoài lãnh thổ Nhật Bản cần được đánh giá không chỉ về khía cạnh triển khai trực tiếp các lực lượng quân sự của họ ra nước ngoài thông qua các cơ chế của liên minh Mỹ - Nhật và các hoạt động của Liên Hiệp Quốc mà còn thông qua việc mở rộng hỗ trợ về vật chất và tài chính của Nhật Bản cho quá trình triển khai sức mạnh của Hoa Kỳ ở cấp độ khu vực và toàn cầu, dưới hình thức cung cấp các căn cứ và khả năng phối kết hợp các năng lực quân sự. Quá trình triển khai quân đội ra nước ngoài và việc tái cơ cấu liên minh Mỹ - Nhật trong thời kỳ hậu Koizumi đã bị giảm sút và tiến triển chậm hơn mong muốn của các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản và Hoa Kỳ. Tuy nhiên, bất chấp tranh cãi chính trị trong nước về khả năng triển khai lực lượng ra nước ngoài, Nhật Bản vẫn kiên trì trong việc tái cơ cấu liên minh của mình với Hoa Kỳ và tiếp tục tìm kiếm cách thức để triển khai Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản (JSDF) ra nước ngoài. Do đó, Nhật Bản đã tiếp tục củng cố các cam kết quân sự của mình ở nước ngoài.

Các sứ mệnh của JSDF ở Iraq và Ấn Độ Dương

Nhật Bản đã nhận thấy rằng khó có thể duy trì hai sứ mệnh nổi bật nhất của mình ở nước ngoài trong giai đoạn hậu 11/9: sự hỗ trợ của Lực lượng Phòng vệ Biển (MSDF) cho *Chiến dịch Tự do Bền vững* (Operation Enduring Freedom - OEF) ở Ấn Độ Dương, và sự tham gia của Lực lượng Phòng vệ Mặt đất (GSDF) và Lực lượng Phòng vệ trên không (ASDF) trong quá trình tái thiết Iraq. Cam kết của Nhật Bản

với các sứ mệnh này đánh dấu một tiền lệ quan trọng bởi đây là lần đầu tiên JSDF được triển khai ra nước ngoài trong khi các xung đột đang diễn ra, mặc dù trong các vai trò phi tác chiến. Hai sứ mệnh trên được coi là biểu tượng quan trọng đánh dấu sự ủng hộ của Nhật Bản đối với Hoa Kỳ và cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa khủng bố xuyên quốc gia và sự phổ biến của vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), và của các cam kết tương lai của họ đối với việc mở rộng hợp tác an ninh quốc tế.

Tuy nhiên, kể từ năm 2006, Nhật Bản đã giảm bớt các cam kết của mình đối với những sứ mệnh này. 600 binh sĩ GSDF đang thực hiện nhiệm vụ ở Samawah, tỉnh Muthana, Iraq được rút về vào tháng 7 năm 2006 sau khi hoàn thành sứ mệnh hai năm của họ, một phần bởi vì các mục tiêu tái thiết chính của họ được cho là đã hoàn thành. Theo Bộ Quốc phòng, GSDF đã cung cấp 53.000 tấn nước, sửa chữa 36 trường học và 66 cơ sở y tế, hoàn thành 31 tuyến đường và cung cấp việc làm cho hơn 1.000 người dân Iraq.¹ Tuy nhiên, GSDF phải được "tái triển khai", và với một tốc độ tương đối nhanh chóng, bởi vì quá trình chuyển giao an ninh theo kế hoạch trên địa bàn tỉnh cho các lực lượng Iraq đã được đưa ra, và các lực lượng của Anh và Australia đang bảo vệ cho GSDF đã được rút đi. Hai năm sau, vào tháng 12 năm 2008, hoạt động năm năm của ASDF với nhiệm vụ vận chuyển nhân lực và vật lực cho Liên Hiệp Quốc và liên quân từ Kuwait đến Baghdad và Erbil ở tây bắc Iraq đã kết thúc. ASDF được cho là đã thực hiện tổng cộng 821 chuyến bay, vận chuyển 46.500 nhân viên và 673 tấn hàng hóa.² Chính phủ Nhật Bản quyết định rút ASDF bởi vì các nghị quyết của Liên Hiệp Quốc cho phép các sứ mệnh của liên quân ở Iraq sắp hết hạn, và bởi vì Hoa Kỳ và các đối tác liên minh khác đang cắt giảm lực lượng của họ. Ngoài ra, chính phủ nhận thức được rằng Đảng Dân chủ Nhật Bản (DPJ) đang cân nhắc việc sử dụng sức mạnh mới của họ ở Quốc hội để buộc sứ mệnh phải kết thúc.

Cuối cùng, quá trình rút JSDF khỏi Iraq đã được thực hiện khá gấp rút, để thích ứng với hoàn cảnh quốc tế đang thay đổi và các áp lực trong nước. Cũng không chắc chắn liệu sứ mệnh của JSDF là một trở ngại hơn là một sự trợ giúp cho các hoạt động liên minh. Sự phản đối của Nhật Bản đối với bất kỳ sứ mệnh nào ngoại trừ sứ mệnh phi tác chiến (chỉ có 3 quân nhân GSDF bị thương (không nguy hiểm đến tính mạng), gây ra bởi các vụ tai nạn giao thông vào tháng 6 năm 2006, và không có một phát súng đơn lẻ nào nổ ra do tức giận suốt năm năm triển khai) có nghĩa là nhiệm vụ bảo vệ (cho binh sĩ Nhật) đã được thực hiện bởi các lực lượng

¹ Boeishohen, *Boei Hakusho 2007*, p. 285.

² 'Iraku Shien Katsudo Shuryo', *Nihon Keizai Shimbun*, 18 December 2008, p. 2.

liên quân khác. Ngoài ra, sứ mệnh cực kỳ tốn kém, và đem lại nhiều nghi vấn cho quá trình tái thiết. Việc cung cấp nước và những đóng góp cho các hoạt động tái thiết khác của GSDF tốn kém hơn nhiều nếu so sánh với quá trình cung cấp tương tự bởi các tổ chức phi chính phủ hoặc thậm chí là các nhân viên địa phương; các thiết bị y tế được hiến tặng bởi GSDF không thể được duy trì về sau bởi nhân viên Iraq, nhất là vì các hướng dẫn đều bằng tiếng Nhật; và sự rút quân nhanh chóng của GSDF có nghĩa rằng họ không thể hoàn thành nhiệm vụ sửa chữa đường xá của mình, để lại những đoạn đường dài chưa được trải sỏi.³

Sứ mệnh của MSDF ở Ấn Độ Dương cũng đã gặp phải các áp lực trong nước và quốc tế và phải đối mặt với những chỉ trích tương tự. Từ năm 2001, Nhật Bản đã tìm cách duy trì một hoặc hai tàu khu trục và một tàu cung ứng nhiên liệu hoạt động thường trực ở Ấn Độ Dương; theo Bộ Quốc phòng, giữa tháng 12 năm 2001 và tháng 10 năm 2007, MSDF đã tiếp nhiên liệu cho các tàu liên quân 794 lần với tổng số 490.000 mét khối nhiên liệu, và cung cấp nhiên liệu cho máy bay trực thăng 76 lần với tổng số 990 mét khối. MSDF đã hỗ trợ cho các tàu chiến từ Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Pakistan, Canada, New Zealand, Hà Lan, Italy, Tây Ban Nha và Hy Lạp.⁴

DPJ đã tìm cách ngăn cản việc gia hạn Luật Giải pháp Đặt biệt Chống Khủng bố (ATSMML) cho phép triển khai quân đội vào năm 2007. DPJ phản đối sứ mệnh này vì họ lập luận rằng Nhật Bản về bản chất đang cung cấp sự hỗ trợ cho các sứ mệnh của Hoa Kỳ và liên minh nhằm sử dụng vũ lực ở Afghanistan và có thể là ở những nơi khác, do đó vi phạm lệnh cấm về phòng vệ tập thể. DPJ đã dùng vấn đề này để buộc ông Abe từ chức vào năm 2007, và sau đó tiếp tục phản đối những nỗ lực tiếp tục sứ mệnh này của ông Fukuda. DPJ lại có thêm sức ảnh hưởng nhờ những tiết lộ vào cuối năm 2007 rằng MSDF đã báo cáo không chính xác những số liệu về cung ứng nhiên liệu, và có những nghi ngờ rằng Hoa Kỳ đã chuyển nhiên liệu của Nhật Bản cho các hoạt động ở Iraq. Trong một báo cáo vào tháng 9 năm 2007 dựa trên dữ liệu không được coi là bí mật của Hoa Kỳ, Tổ chức Phi Chính phủ Peace Depot Nhật Bản đã cho rằng MSDF đã cung cấp nhiên liệu cho tàu sân bay *Kitty Hawk* của Hoa Kỳ vào năm 2003, và rằng con tàu sau đó đã ngay lập tức tham gia vào Chiến tranh Iraq, do đó trái với mục đích của ATSMML, được thiết kế

³ 'Kansha to Fuman: Samawa Kara no Hokoku', *Asahi Shimbun*, 31 August 2008, p. 1; McCormack, *Client State*, p. 70; Maeda Tetsuo, *Jieitai: Henyo no Yukie* (Tokyo: Iwanami Shinsho, 2007), p. 104.

⁴ Đối với các số liệu này của MSDF và các chi tiết đầy đủ về sứ mệnh của họ ở Ấn Độ Dương cho đến năm 2007, xem Boeisho, 'Kyu Terotaisaku Tokusoho ni Motozuku Taio Socchi no Kekka ni Tsuite', 1 January 2008, http://www.mod.go.jp/j/news/hokyushien/pdf/siryouno_080311.pdf.

đặc biệt chỉ để hỗ trợ cho *Chiến dịch Tự do Bền vững*.⁵ Được hỗ trợ bởi thông tin bổ sung từ Hoa Kỳ, Bộ Quốc phòng đã phản bác những lời buộc tội này.⁶

Thủ tướng Fukuda đã thành công trong việc thông qua Luật Giải pháp Đặc biệt Hỗ trợ Bổ sung (RSSML) vào tháng Giêng năm 2008, nhưng sự phản đối liên tục của DPJ đối với việc tiếp tục ban hành đạo luật này vào cuối năm 2008 đã góp phần vào sự từ chức của ông. Người kế nhiệm ông Fukuda, Thủ tướng Aso, đã thúc đẩy Quốc hội thông qua RSSML một lần nữa vào tháng 12 năm 2008. Do đó, bất chấp sự phản đối của DPJ, các chính quyền kế tiếp đã xoay sở để duy trì sứ mệnh của MSDF ở Ấn Độ Dương, mặc dù chỉ bằng cách hứng chịu các chi phí chính trị tăng dần trong nước, giới hạn nhiệm vụ của MSDF chỉ xoay quanh việc cung ứng nhiên liệu và buộc tất cả lực lượng hải quân có liên quan phải đảm bảo rằng nhiên liệu được cung cấp sẽ chỉ được sử dụng như là một phần của *Chiến dịch Tự do Bền vững*.⁷

Quá trình triển khai MSDF đến Ấn Độ Dương là hành động đầu tiên và đáng chú ý nhất của Nhật Bản trong việc hỗ trợ 'cuộc chiến chống khủng bố' của Hoa Kỳ, tạo thành một cam kết mang tính biểu tượng quan trọng đối với những nỗ lực chống khủng bố của Hoa Kỳ và thế giới. Tuy nhiên, thực tế là Nhật Bản nhận thấy rằng họ khó mà duy trì thậm chí là cam kết khiêm tốn này, kết hợp với sự bê mặt của việc MSDF rút lui tạm thời khỏi Ấn Độ Dương vào tháng 11 năm 2007, vốn bị gây sức ép bởi sự phản đối của DPJ đối với việc gia hạn ATSMML và việc GSDF nhanh chóng rời khỏi Iraq. Thực tế trên đặt ra những nghi vấn không thể tránh khỏi về sự sẵn sàng của Nhật Bản trong việc thực hiện những sứ mệnh ở nước ngoài và tương lai của việc triển khai MSDF ở Ấn Độ Dương vẫn còn không chắc chắn.

Tuy nhiên, trong khi những vấn đề của Nhật Bản ở Iraq và Ấn Độ Dương cản trở tham vọng an ninh quốc tế của họ, đã xuất hiện thêm nhiều khó khăn nhỏ và tạm thời theo nhiều cách khác nhau. Các nhà hoạch định chính sách nhìn chung đã xem những chiến dịch này là rất thành công, đặt tiền đề cho sự mở rộng về dài hạn các cam kết ở nước ngoài của Nhật Bản. Do đó, thay vì chỉ tập trung vào những đóng góp cụ thể của các sứ mệnh ở Iraq và Ấn Độ Dương đối với an ninh quốc tế, Nhật Bản đã tận dụng những sứ mệnh này để đạt được kinh nghiệm hoạt động trong các liên minh quốc tế. Hiện nay, JSDF đã làm việc cùng với quân đội Hoa Kỳ và các nước khác ở Ấn Độ Dương và Iraq, và đã phái nhân viên đến Bộ chỉ huy

⁵ Pisu Depo, *Chosa Kinkyu Hokoku Kaijikan ga Kyuyu Shita Beikan wa Iraku Sakusen ni Shiyō Shita*, 20 September 2007, <http://www.peacedepot.org/media/pcr/mediarelease3/oil.htm>.

⁶ 'Kyuyu Giwaku Kuzureru Setsume: Bei Hitei Seimei, Konkyo Shimesazu', *Asahi Shimbun*, 20 October 2007, p. 4.

⁷ Boeishohen, *Boei Hakusho 2008*, p. 233.

Trung tâm Hoa Kỳ (CENTCOM) ở Tampa, Florida, để tham gia vào việc lập kế hoạch liên minh.⁸ Nếu các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp Quốc cũng được gộp chung với các sứ mệnh ở Iraq và Ấn Độ Dương, thì ước tính rằng, đến năm 2002, có 3.000 quân nhân Nhật Bản được triển khai ở nước ngoài tại cùng một thời điểm. Khoảng 5.500 quân nhân GSDF phục vụ luân phiên tại Iraq, và đến năm 2007 xấp xỉ 30.000 quân nhân JSDF đã có kinh nghiệm hoạt động ở nước ngoài.⁹ Nhật Bản đã mở rộng phạm vi các loại vũ khí mà GSDF có thể được sử dụng ở nước ngoài, bắt đầu với súng ngắn trong các sứ mệnh đầu tiên và tăng dần đến súng trường, súng liên thanh, súng không giật và đạn chống xe tăng hạng nhẹ. JSDF cũng nhận được chỉ thị mới cho phép sử dụng những vũ khí này bảo vệ nhân viên và những đối tượng khác nằm trong trách nhiệm của mình, bao gồm người tị nạn và các quân nhân Hoa Kỳ bị thương. Cả hai sứ mệnh ở Ấn Độ Dương và Iraq đã cung cấp những tiền lệ quan trọng cho việc triển khai JSDF ra ngoài Nhật Bản trong tương lai. Thật vậy, những nhà hoạch định chính sách an ninh của Nhật Bản bất chấp những vấn đề về việc gia hạn RSSML, đang tìm kiếm những sứ mệnh và những đối tác liên minh mới.

Sóng thần ở Ấn Độ Dương, Afghanistan, Luật Điều động Vĩnh viễn và các sứ mệnh chống cướp biển

Ngoài các sứ mệnh ở Iraq và Ấn Độ Dương, Nhật Bản đã khám phá ra một loạt những cách thức mới nhằm đưa JSDF ra nước ngoài. Dưới sự cho phép của Luật Cứu trợ Thiên tai Quốc tế, JSDF đã thực hiện hoạt động ở nước ngoài lớn nhất từ trước đến nay của mình nhằm đối phó với thảm họa sóng thần ở Ấn Độ Dương, triển khai tổng cộng 1.500 nhân viên, chuyển các tàu MSDF từ Ấn Độ Dương trở về Nhật Bản để vận chuyển hàng viện trợ, và vào tháng Giêng năm 2005 đã phái một đội tàu bao gồm một tàu chở quân lớp *Osumi* đến Aceh ở Sumatra sau vụ sóng thần. Đội tàu, mang theo 5 máy bay trực thăng GSDF và 20 xe tải, đóng vai trò như một "doanh trại nổi" cho các hoạt động chung của MSDF và GSDF. Thông qua việc tham gia vào hoạt động cứu trợ, JSDF đã thu được những kinh nghiệm quý báu trong các hoạt động chung và kết hợp, và kinh nghiệm hoạt động với Hoa Kỳ và

⁸ Asahi Shimbun Jieitai 50nen Shuzaiha, *Jieitai Shirarezaru Henyo* (Tokyo: Asahi Shimbunsha, 2005), pp. 52–8.

⁹ Tetsuo Maeda, *Jieitai: Henyo no Yukie* (Tokyo: Iwanami Shinsho, 2007), pp. 66, 73; 'All GSDF Troops Safely Home from Historic Mission to Iraq', *Japan Times Online*, 26 July 2006, <http://search.japantimes.co.jp/cgi-bin/nn20060726f3.html>.

các quốc gia khác trong môi trường đa quốc gia, thông qua việc thành lập trụ sở liên lạc phối hợp cùng với Hoa Kỳ tại căn cứ quân sự của Thái Lan ở Utapao.¹⁰

Các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản cũng cho thấy mối quan tâm của họ đối với các Chiến dịch gìn giữ Hòa bình của Liên Hợp Quốc (UNPKO) như là một cách để gia tăng kinh nghiệm hoạt động ở nước ngoài của JSDF, mặc dù thực tế là, vào đầu năm 2009, chỉ có hơn 30 nhân viên JSDF được triển khai trong những hoạt động như vậy, trong tổng số gần 240.000 quân, chứng tỏ rằng sự tích cực về chính sách của Nhật Bản trên thực tế vẫn còn tập trung vào việc tham gia vào các sứ mệnh dưới hình thức liên minh do Hoa Kỳ lãnh đạo hoặc do Liên Hợp Quốc ủy quyền. Hai mươi chín nhân viên GSDF đã được triển khai như một phần của sứ mệnh gìn giữ hòa bình ở Cao nguyên Golan từ năm 1996; sáu sĩ quan liên lạc được phái đến Phái đoàn Chính trị của Liên Hợp Quốc ở Nepal (UNMIN) vào tháng 4 năm 2007 với thời gian triển khai một năm; và vào giữa năm 2008, Nhật Bản đã xem xét tham gia vào Phái đoàn Liên Hợp Quốc ở Sudan (UNMIS), một phần để đối phó với sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc trong các chiến dịch gìn giữ hòa bình ở Châu Phi.¹¹ Cuối cùng, hai sĩ quan liên lạc được gửi đến trụ sở của UNMIS ở Khartoum.

Các vấn đề chính trị liên quan đến việc tiếp tục các đạo luật gắn với các sứ mệnh ở Iraq và Ấn Độ Dương đã thúc đẩy những nhà hoạch định chính sách Nhật Bản tìm kiếm thêm những phương tiện thông thường để triển khai JSDF ra nước ngoài. Tháng 8 năm 2006, trong nhiệm kỳ của mình ở cương vị Tổng Thư ký Nội các, ông Abe đã đưa ra khả năng của một đạo luật điều động vĩnh viễn (*kokyu hoan* hoặc *ippanho*) cho JSDF, loại bỏ việc yêu cầu chính phủ phải tiến hành các cuộc tranh luận tốn thời gian và thông qua các đạo luật có thời hạn riêng biệt cho mỗi sứ mệnh, do đó làm cho JSDF có thể tham gia một cách nhanh chóng vào 'các hoạt động hợp tác hòa bình quốc tế'.¹² Ông Abe đã nêu lên vấn đề này một lần nữa vào tháng 1 năm 2007, trong một bài diễn văn – lần đầu tiên từ trước đến nay bởi một Thủ tướng Nhật Bản – tại Hội đồng Bắc Đại Tây Dương, dấy lên hy vọng trong NATO về các hỗ trợ quân sự của Nhật Bản ở Afghanistan.¹³ Bộ trưởng Quốc phòng

¹⁰ Kazuhiko Morinaga, 'Indoyo Tsunami no Kyokun', *Securitarian*, March 2005, pp. 3–4; 'Kaijikan, Rikujū Shukueiji ni', *Asahi Shimbun*, 2 February 2005, p. 29.

¹¹ 'Sudan PKO Jieitai Haken e Raigetsu ni mo Chosadan', *ibid.*, 15 May 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0515/TKY200805150082.html>.

¹² 'Jieitai Haken "Kokyu Hoan Iru" Abe Kanbochokan', *ibid.*, 26 August 2007, p. 3.

¹³ Ministry of Foreign Affairs Japan, 'Speech by Prime Minister Shinzo Abe at the North Atlantic Council, "Japan and NATO: Toward Further Collaboration"', 12 January 2007, <http://www.mofa.go.jp/region/europe/pmv0701/nato.html>.

Kyuma đã thảo luận về đạo luật được nêu ra và cam kết của JSDF đối với Afghanistan với các sĩ quan NATO vào tháng 5 năm 2007.¹⁴

Khi chính quyền của ông hoạt động vào tháng 9 năm 2007, Fukuda dường như ít nhiệt tình với luật điều động vĩnh viễn, cũng như ít bận tâm lo lắng như với các vụ bê bối liên quan đến quốc phòng. Tuy nhiên, đến đầu năm 2008, sau những khó khăn xung quanh việc thông qua RSSML, ông bắt đầu hâm nóng lại ý tưởng này. Fukuda cũng nhận thức được nhu cầu ngày tăng từ Hoa Kỳ và NATO đối với JSDF trong việc đẩy mạnh những nỗ lực của mình để ủng hộ *Chiến dịch Tự do Bền vững* ngoài việc cung ứng nhiên liệu, và hỗ trợ liên minh trên mặt đất ở Afghanistan. Cuối cùng, có lẽ ông Fukuda đã nhận thấy luật điều động vĩnh viễn là một phương tiện để tạo ra sự thỏa hiệp với DPJ về các cam kết ở nước ngoài của JSDF; tháng 10 năm 2007, lãnh đạo DPJ, ông Ichiro Ozawa đã lập luận rằng JSDF có thể được điều động đến Afghanistan, thậm chí có thể thực thi các nhiệm vụ chiến đấu, nếu họ được cho phép làm như vậy bởi các nghị quyết thích hợp của Liên Hợp Quốc.¹⁵

Tháng Giêng năm 2008, ông Fukuda đã chỉ thị cho Hội đồng Nghiên cứu chính sách (PRC) của Đảng Dân chủ Tự do (LDP) bắt đầu một Nhóm Dự án (PT) để nghiên cứu tính khả thi của việc đệ trình một đạo luật điều động vĩnh viễn lên Quốc hội vào cuối năm, dựa trên các nguyên tắc như việc triển khai JSDF sẽ nằm trong khuôn khổ hiến pháp, phù hợp với những yêu cầu từ Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế khác và giới hạn trong những khu vực phi chiến sự và sẽ đòi hỏi sự chấp thuận bởi Quốc hội.¹⁶ Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, ông Masahiko Komura sau đó đã lập lại ý định của Nhật Bản nhằm thông qua luật điều động vĩnh viễn tại Hội nghị An ninh Munich vào tháng 2 năm 2008.¹⁷ Các nhà lãnh đạo Nhật Bản sau đó đã gợi ý rằng họ sẽ thông qua đạo luật này và triển khai GSDF như là một phần của Lực lượng Hỗ trợ An ninh Quốc tế (ISAF) ở Afghanistan, bao gồm một tuyên bố về việc này của ông Ishiba tại Hội nghị Thượng đỉnh An ninh Châu Á IISS vào tháng 5. Nhật Bản sau đó đã nhận được những yêu cầu trực tiếp từ Hoa Kỳ và NATO cho GSDF nhằm cung cấp máy bay trực thăng và các máy bay C-130 để bù đắp thiếu

¹⁴ 'SDF May Head to Afghanistan To Aid Reconstruction', *Japan Times Online*, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20070506a2.html>.

¹⁵ Ichiro Ozawa, 'Ima Koso Kokusai Anzen Hoshō no Gensiku Kakuritsu o', *Sekai*, November 2007, pp. 148–53; 'Afugan Shien "Seiken Toreba Butai Sanka" Ozawashi', *Asahi Shimbun*, 5 October 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0105/TKY200801050187.html>.

¹⁶ 'Jieitai Kaigai Katsudo no Ippanhoan, Aki no Rinji Kokkai Teishutsu Shino', *ibid.*, 6 January 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/1005/TKY200710050157.html>; 'Jieitai Kokyū Hoan Kento no Yoto PT Tachiage Jimin Yamasaki', *ibid.*, 10 February 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0210/TKY200802100141.html>.

¹⁷ 'Jieitai no Kaigai Haken "Sekkyoku-teki ni" Komura Gaisho', *ibid.*, 6 January 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0211/TKY200802110004.html>.

hạt trong liên quân, với việc GSDF, như đã lưu ý ở Chương 2, bắt đầu bọc giáp các máy bay trực thăng CH-47JA cho các loại sứ mệnh này.¹⁸ Tuy nhiên, trong nửa sau năm 2008, rõ ràng rằng chính phủ Fukuda khó có thể thúc đẩy thông qua luật điều động vĩnh viễn. Bản thân LDP và đối tác liên minh New Komeito, ngày càng lo ngại việc về rủi ro JSDF có thể vướng vào các hoạt động chiến đấu ở Afghanistan khi tình hình an ninh có vẻ xấu đi.¹⁹ Nhật Bản đã hủy bỏ các kế hoạch gửi JSDF đến Afghanistan, và giải quyết thay thế bằng cách tăng sự đóng góp của mình cho ISAF thông qua tài trợ cho việc nâng cấp các máy bay trực thăng của liên quân NATO, và tăng cường hỗ trợ tài chính cho các Nhóm Tái thiết cấp Tỉnh (PRTs).²⁰ Đầu năm 2009, có vẻ như chính quyền Obama ở Hoa Kỳ đã hài lòng với những đóng góp tài chính bổ sung này khi họ chuẩn bị tăng cường lực lượng của mình ở Afghanistan.

Các nhà hoạch định chính sách của Nhật Bản hiện nay đang tập trung vào các hoạt động chống cướp biển của MSDF ngoài khơi biển Somalia và Vịnh Aden. Đặc biệt, từ tháng 3 năm 2008 ông Aso đã dùng lý lẽ để biện hộ cho các loại hình hoạt động này như là phương tiện để mở rộng và xác định lại hợp tác an ninh Hoa Kỳ – Nhật Bản.²¹ Mỗi quan tâm của Nhật Bản trong các hoạt động chống cướp biển được thúc đẩy bởi Nghị quyết 1816 của Liên Hợp Quốc vào tháng 6 năm 2008, đã đưa ra một yêu cầu mạnh mẽ về sự tham gia của JSDF vào Lực lượng Đặc nhiệm Hỗn hợp (CTF) 150. Mỗi quan tâm được củng cố bởi vụ cướp tàu *Sirius Star* và các hoạt động cướp biển nổi bật vào cuối năm 2008, thu hút sự chú ý đến các vấn đề của riêng Nhật Bản với nạn cướp biển trong khu vực. Giữa tháng 10 năm 2008, ông Aso tuyên bố rằng Nhật Bản có thể xem xét việc thông qua một đạo luật chống cướp biển mới cho phép triển khai MSDF, một đề xuất đã thu hút được sự ủng hộ

¹⁸ 'Jiteitai Haken Tarinu Kensho: Iraku Senso 5nen Seifu wa Ippanho Suishin', *ibid.*, 20 March 2008, p. 4; 'Afugan Fukkyo e Rikujū Haken, Shusho ga Kento Hyomei', *Yomiuri Shimbun*, 6 January 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20080601-OYT1T00432.htm>; 'Afugan Fukkyo Shien, Rikugū Haken mo Shino ni Kento Kanboo Chokan', *Asahi Shimbun*, 31 May 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0531/TKY200805310288.html>; 'Ishiba Boeisho, Jieitai Kaigai Haken Kokyūho no Hitsuyosei Kyōcho', *ibid.*, 31 May 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0531/TKY200805310175.html>; Shigeru Ishiba, 'The Future of East Asian Security', The Seventh IISS Asian Security Summit Shangri-La Dialogue, 31 May 2008, <http://www.iiss.org/conferences/the-shangri-ladialogue/shangri-la-dialogue-2008/plenary-session-speeches-2008/secondplenary-session-the-future-of-eastasian-security/second-plenary-sessionshigeru-ishiba>; 'Afugan ni Jieitai Heri o, Bei ga Nihon ni Nihon ni Dachin', *Yomiuri Shimbun*, 19 October 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20081018-OYT1T00700.htm>.

¹⁹ 'Afugan Hondo Haken, Seifu Miokuri Shinho Seiritsu Medo Tatazu', *Asahi Shimbun*, 18 July 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/0717/TKY200807170309.html>.

²⁰ 'Afugan de no Taitero Shien, Seifu ga Yusoyo Heri Kaishu ni 4okuen Kyoshutsu', *Yomiuri Shimbun*, 9 January 2009, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20090109-OYT1T00038.htm>.

²¹ 'Aso Motogaisho, Kaiyō Shinpojiumu de Nichi Domei "Saiteigi" o Teigen', *ibid.*, 6 March 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20080306-OYT1T00346.htm>.

của các chính trị gia nhóm liên đảng LDP và DPJ.²² Cuối cùng, và mang tính quyết định, cuối tháng 12, tin tức cho hay rằng Trung Quốc đã quyết định phái hai tàu khu trục đến Vịnh Aden đã gây nên mối lo ngại trong đất nước Nhật Bản rằng Trung Quốc có thể tận dụng cơ hội để mở rộng hợp tác với Hoa Kỳ.²³

Các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản đã quyết định một phương thức tiếp cận hai giai đoạn đối với việc triển khai quân nhằm đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của hiến pháp và luật pháp. Giai đoạn đầu tiên là lắp kế hoạch trong việc điều động MSDF theo các điều khoản của hoạt động tuần tra biển của Luật về JSDF hiện hành. Điều này cho phép JSDF bảo vệ tàu của Nhật Bản và các tàu khác với thủy thủ đoàn người Nhật Bản hoặc chuyển chở các hàng hóa liên quan đến Nhật Bản. JSDF sẽ được phép sử dụng vũ lực chống lại cướp biển để tự vệ và tạo điều kiện cho các cuộc sơ tán khẩn cấp và nhằm ra lệnh cho các tàu bị nghi ngờ là cướp biển dừng lại và thực hiện khám xét. Quá trình triển khai JSDF được củng cố bởi sự hiện diện của 8 nhân viên thuộc Lực lượng bảo vệ bờ biển Nhật Bản (JCG) trên các tàu khu trục, bởi vì theo luật pháp hiện hành thì MSDF thiếu quyền hạn bắt giữ, trong khi JCG có thể bắt giữ và thu thập chứng cứ để khởi tố những tên cướp biển.²⁴

Các quan chức của Bộ Quốc phòng và MSDF chịu trách nhiệm thực hiện sứ mệnh chống cướp biển cảm thấy rằng quy định luật pháp hiện hành là không đủ để đảm bảo các hoạt động hiệu quả và sự an toàn của các quân nhân Nhật Bản trong trường hợp chạm trán với cướp biển đã sẵn sàng để dùng vũ lực chống lại họ. Do đó, giai đoạn phản ứng thứ hai là chuẩn bị một đạo luật chống cướp biển mới bởi Nhóm Dự án LDP-New Komeito.²⁵ Luật mới ban hành cho phép JSDF bảo vệ các tàu không phải của Nhật Bản với điều kiện là họ ở trong cùng vùng lân cận và việc sử dụng vũ lực không chỉ nhằm mục đích tự vệ mà còn để buộc các tàu cướp biển dừng lại nếu không còn cách nào khác.²⁶ Chính phủ lập luận rằng việc sử dụng vũ lực chống lại cướp biển để bảo vệ các tàu nước ngoài không tương tự như phòng vệ tập thể bởi vì đó là một hành động cần thiết để chống lại một chủ thể phi nhà

²² 'Kaizoku Taisaku ni Jieitai Shusho, Somariaoki Haken ni Shinho Kento, *Asahi Shimbun*, 17 October 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/1017/TKY200810170373.html>; 'Somariaoki ni Jieitai Haken, Choto Haken Giren ga Tokusoho o Kento', *Yomiuri Shimbun*, 20 November 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20081120-OYT1T00612.htm>.

²³ 'Kaiji Haken ni Kabe', *Nihon Keizai Shimbun*, 24 December 2008, p. 2.

²⁴ 'Coast Guard To Help MSDF Ships Handle Pirate Arrests off Somalia', *Japan Times Online*, 11 January 2009, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20090111a5.html>.

²⁵ 'Somariaoki Kaizoku Taisaku, Yoto PT ga Hatsukaigo', *Asahi Shimbun*, 9 January 2009, <http://www.asahi.com/politics/update/0109/TKY20091090139.html>.

²⁶ 'Kaizokusen Shageki o Yonin Yoto PT, Shinho no Kokkoan Ryosho', *ibid.*, 26 February 2009, <http://www.asahi.com/politics/update/0225/TKY200902250308.html>.

nước.²⁷ Việc triển khai JSDF sẽ được chấp thuận bởi Thủ tướng và sau đó được báo cáo lên Quốc hội, do đó tránh được những vấn đề như đã xảy ra trong quá trình tìm kiếm sự phê chuẩn trước đó đối với ATSM/LRSSML.²⁸

Chính phủ lên kế hoạch đệ trình luật chống cướp biển mới lên Quốc hội vào tháng 3 năm 2009. Thực tế là dự luật đã được hỗ trợ bởi LDP và New Komeito, và rằng nhiều thành viên DPJ đồng cảm với động cơ chống cướp biển, đề nghị rằng dự luật này nên được thông qua một cách tương đối nhanh chóng. Tuy nhiên, dự luật gây nhiều tranh cãi bởi vì, bất chấp những lập luận chính thức phản bác lại những ý kiến đối lập, các điều khoản cho phép bảo vệ các tàu không phải của Nhật Bản dường như đụng chạm đến các vấn đề về phòng vệ tập thể và dự luật đòi hỏi một sự nói lỏng rõ ràng các giới hạn sử dụng vũ lực. Chính phủ đã tìm cách xoa dịu những quan ngại bằng cách quy định rằng những tàu dưới sự bảo vệ của Nhật Bản phải trong phạm vi gần, do đó làm mờ đi sự khác biệt giữa tự vệ và phòng vệ tập thể.

Tháng Giêng năm 2009, Bộ Quốc phòng ra lệnh cho các tàu khu trục *Sazanami* và *Samidare* chuẩn bị cho việc triển khai. Các tàu khu trục sẽ mang theo Đơn vị Biệt kích của MSDF (SBU). Bộ Quốc phòng cũng đang xem xét việc gửi máy bay tuần tra P-3C đến trụ sở CTF 150 ở Djibouti một khi Thỏa thuận về Quy chế các Lực lượng (SOFA) được ký kết xong.²⁹ Tháng 2 năm 2009, Bộ thực hiện một chuyến công du tìm hiểu thực tế quanh Vịnh Aden, ở Djibouti, Bahrain, Yemen và Oman, nhằm chuẩn bị cho việc triển khai MSDF; các tàu khu trục đã khởi hành đến Vịnh Aden vào ngày 14 tháng 3, để bắt đầu các chuyến tuần tra chống cướp biển vào đầu tháng 4.

Mặc dù cam kết riêng lẻ này một lần nữa mang tính khiêm tốn, nhưng sự tham gia của Nhật Bản trong các nỗ lực chống cướp biển sẽ là sự bổ sung rất hữu ích cho các nỗ lực an ninh quốc tế. Quan trọng hơn, nó sẽ cho phép JSDF mở rộng và kéo dài sự hiện diện của mình ở Ấn Độ Dương và xa hơn nữa. Việc triển khai các tàu khu trục, nhân viên JCG và máy bay tuần tra P-3C, và có khả năng là một tàu

²⁷ 'Kaizoku e no Buki Shiyo, Buryoku Koshi ni Atarazu Seifu Kaiken', *ibid.*, 17 December 2008, <http://www.asahi.com/politics/update/1217/TKY200812160458.html>; 'Kaiji no Buki Shiyo Kengen Kakudai Kaizoku Taisaku Shinho Gaigokusen mo Hogo', *ibid.*, 5 February 2009, <http://www.asahi.com/politics/update/0204/TKY200902040314.html>.

²⁸ 'Seifu, Raigetsu Medo Taisho Yoryo', *Nihon Keizai Shimbun*, 27 December 2008, p. 2; 'Shugekimae mo Shageki Kano ni', *ibid.*, 26 February 2008, p. 1.

²⁹ 'Somariaoki Kaizoku Taisaku, Kaiji Goeikan 2seki Haken e', *Yomiuri Shimbun*, 3 February 2009, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20090203-OYT1T00787.htm>; Richard Tanter, 'The Maritime Self-Defence Force Mission in the Indian Ocean: Afghanistan, NATO and Japan's Political Impasse', *Northeast Asia Peace and Security Network Policy Forum Online*, 4 September 2008, <http://www.nautilus.org/fora/security/08068Tanter.html>, p. 5

cung ứng nhiên liệu bổ sung, kết hợp với RSSML, sẽ cung cấp cho quân đội Nhật Bản các khả năng triển khai sức mạnh đáng kể trong khu vực.³⁰ Với một thực tế là khoảng 2.300 tàu buôn liên quan đến Nhật Bản đi qua khu vực Vịnh Aden hàng năm sẽ đảm bảo rằng MSDF vẫn sẽ hoạt động tích cực trong dài hạn.³¹ Sứ mệnh chống cướp biển một lần nữa cung cấp cho MSDF những kinh nghiệm quý giá trong quá trình làm việc chung với Hoa Kỳ và các quốc gia khác trong môi trường đa quốc gia; thật vậy, tháng 2 năm 2009, Nhật Bản và Hàn Quốc thậm chí đã thảo luận về khả năng tuần tra chung.³² Ngoài ra, các điều khoản mới về bảo vệ tàu nước ngoài và sử dụng vũ lực của luật chống cướp biển có thể lập nên những tiền lệ hữu ích cho các sứ mệnh của JSDF trong tương lai nếu Nhật Bản một lần nữa xem xét thông qua đạo luật điều động vĩnh viễn.³³

Quan hệ an ninh với Hoa Kỳ, Australia và Ấn Độ

Nhật Bản cũng bắt đầu tạo ra những mối liên kết an ninh để bổ sung cho liên minh của họ với Hoa Kỳ. Nhật Bản và Australia đã bắt đầu có sự hợp tác an ninh hạn chế từ những năm 1970, nhưng đã tăng cường các mối quan hệ song phương vào cuối những năm 1990, và đặc biệt là sau 'cuộc chiến chống khủng bố' với sự triển khai của Lực lượng Quốc phòng Australia (ADF) để bảo vệ GSDF ở Iraq.³⁴ Ý định của Nhật Bản là vừa tăng cường các mối liên kết song phương với Australia, vừa gắn chúng vào trong cấu trúc rộng lớn hơn của liên minh Hoa Kỳ – Nhật Bản và các mối quan hệ an ninh khu vực của Hoa Kỳ. Tháng 5 năm 2005, Nhật Bản, Hoa Kỳ và Australia đã thiết lập Đối thoại An ninh Ba bên hàng năm (TSD), tiến hành song song với các nỗ lực nhằm nâng cấp liên minh Hoa Kỳ – Nhật Bản thông qua Sáng kiến Xem xét Chính sách Quốc phòng (DPRI). Các Thủ tướng Koizumi và Abe dường như đều xem TSD là một phương tiện quan trọng trong việc vận động ba nền dân chủ chính trong khu vực nhằm đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Cả hai cũng mong muốn thiết lập 'Đối tác Chiến lược và Toàn cầu' với Ấn Độ, bao gồm hợp tác an ninh hàng hải, và ông Abe đã lĩnh hội những nỗ lực của chính quyền Bush nhằm

³⁰ 'MSDF May Divert Oiler to Somalia Task Force', *Japan Times Online*, 25 February 2009, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20090225a2.html>.

³¹ 'Kankoku, Kaiji ni Kyuyu o Dachin Somariaoki de Nihon Kyohi', *Asahi Shimbun*, 22 February 2009, <http://www.asahi.com/politics/update/0220/TKY200902200297.html>.

³² 'Aso, Lee Have Plan To Cooperate on Antipiracy Effort Off Somalia', *Japan Times Online*, 26 January 2009, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn20090126a1.html>.

³³ 'Kaizoku ni Buki Shiyu Yonin e Seifu no Jieitai Haken Shinhoan', *Asahi Shimbun*, 8 January 2009, <http://www.asahi.com/politics/update/0108/TKY200901070296.html>.

³⁴ Desmond Ball, 'Whither the Japan–Australia Security Relationship?', *Austral Policy Forum*, 26 September 2006, <http://www.nautilus.org/~rmit/forum-reports/0632a-ball.html>.

phát triển hợp tác an ninh bốn bên giữa Nhật Bản, Hoa Kỳ, Australia và Ấn Độ.³⁵ Bốn cường quốc cùng với Singapore đã tổ chức các cuộc tập trận hải quân chung ở Vịnh Bengal vào tháng 9 năm 2007.

Hợp tác bốn bên đã không tiến triển nhanh chóng kể từ năm 2007 do sự thận trọng của ông Fukuda, vì sợ rằng Nhật Bản có thể bị xem như đang cố gắng kiềm chế Trung Quốc. Tuy nhiên, các mối quan hệ an ninh song phương giữa Nhật Bản và Australia đã tiến triển với việc ký kết Tuyên bố chung Nhật Bản – Australia về Hợp tác An ninh (JADSC) vào tháng 3 năm 2007. Tuyên bố JSDSC nhấn mạnh hợp tác rộng mở trên nhiều vấn đề như sự phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cũng như hợp tác quân sự trực tiếp hơn, kể cả trong việc gìn giữ hòa bình, trao đổi quốc phòng, tìm kiếm và cứu nạn và tham gia Sáng kiến An ninh chống Phổ biến vũ khí (PSI).³⁶ Tháng 6 năm 2007, Nhật Bản và Australia đã thành lập đối thoại 'các bộ trưởng ngoại giao và quốc phòng '2+2'' của riêng mình tương tự như Ủy ban Tư vấn An ninh Nhật Bản – Hoa Kỳ (SCC), và thực hiện 'Quan hệ Đối tác Chiến lược, An ninh và Kinh tế Toàn diện' vào tháng 6 năm sau. Tuy nhiên, hợp tác quân sự bị hạn chế bởi các giới hạn về hiến pháp của Nhật Bản, và bởi vì lực lượng ADF đã bị dàn trải quá mức trong việc đáp ứng các cam kết của mình.³⁷ Tuy nhiên, Nhật Bản và Australia có cơ hội xây dựng sự hợp tác thông qua việc chia sẻ thông tin tình báo ở Ấn Độ Dương và Biển Đông, Sáng kiến PSI và các hoạt động chống cướp biển, và việc Australia cung cấp một trạm vệ tinh mặt đất ở Lansdale, phía Tây Australia, để hỗ trợ Vệ tinh Thu thập Thông tin Nhật Bản (IGS). Nhật Bản và Australia cũng gắn bó với nhau thông qua sự kết hợp của họ trong chiến lược phòng thủ tên lửa toàn cầu và khu vực của Hoa Kỳ, với việc Australia đang cung cấp trạm tiếp âm mặt đất đặt tại Pine Gap ở Vùng lãnh thổ phía Bắc nhằm cung cấp dữ liệu phát hiện các vụ phóng tên lửa từ các vệ tinh của Hoa Kỳ đến Nhật Bản.³⁸

Sự thay đổi và tổ chức lại trong liên minh Hoa Kỳ – Nhật Bản

Nhật Bản thời kỳ hậu Koizumi tiếp tục quá trình tái quân sự hóa ở bên ngoài bằng việc thăm dò một loạt các phương thức để kéo dài và mở rộng việc triển khai quân

³⁵ Akihiko Tanaka, 'Trilateral Strategic Dialogue: Japan's Perspective', in National Bureau of Asian Research (ed.), *Assessing the Trilateral Strategic Dialogue*, NBR Special Report, no. 16, December 2008, <http://www.nbr.org/publications/specialreport/pdf/SR16.pdf>, pp. 35–37.

³⁶ Ministry of Foreign Affairs Japan, 'Japan–Australia Joint Declaration on Security Cooperation', 13 March 2007, <http://www.mofa.go.jp/region/asiapaci/australia/joint0703.html>.

³⁷ Nick Bisley, 'The Japan–Australia Security Declaration and the Changing Regional Security Setting: Wheels, Webs and Beyond?', *Australian Journal of International Affairs*, vol. 61, no. 1, March 2008, pp. 38–52.

³⁸ Ball, 'Whither the Japan–Australia Security Relationship?'

đội ở nước ngoài của JSDF. Nhưng các cam kết quân sự bên ngoài của Nhật Bản đã được thúc đẩy thậm chí là đáng kể hơn trong những năm gần đây bởi thông qua quá trình củng cố mối quan hệ liên minh của Nhật Bản với Hoa Kỳ, một nhân tố đóng góp chính vào vị thế bá quyền quân sự toàn cầu của Hoa Kỳ. Các nhà hoạch định chính sách của Nhật Bản, cả trước và sau thời kỳ Thủ tướng Koizumi, ngày càng nhận thức rằng Hoa Kỳ mong đợi các đồng minh khu vực của họ không chỉ đóng góp lực lượng quân sự cho các liên quân đa quốc gia, mà quan trọng là tạo sự linh hoạt lớn hơn trong việc cho phép Hoa Kỳ sử dụng các căn cứ quân sự cho các hoạt động triển khai quân trong khu vực và toàn cầu. Với mong muốn duy trì vị thế là một đồng minh không thể thiếu cũng như duy trì sức ảnh hưởng chính trị và chiến lược đối với Hoa Kỳ, Nhật Bản đã tìm cách, kết hợp với những nỗ lực để gửi JSDF ra nước ngoài, tập trung vào việc tái cơ cấu hợp tác đồng minh trong lãnh thổ quốc gia của mình, nhằm tạo điều kiện cho sự triển khai sức mạnh của Hoa Kỳ.

Sáng kiến DPRI là kết quả của những nỗ lực này. Giai đoạn đầu tiên liên quan đến việc đưa ra các mục tiêu khu vực chung đã được đồng thuận và các mục tiêu toàn cầu hiện nay đối của liên minh bởi Hội đồng tư vấn an ninh Hoa Kỳ-Nhật Bản (SCC) vào tháng 2 năm 2006. Tháng 10 năm đó, SCC đã đề ra một nhóm các lĩnh vực cụ thể giúp củng cố hợp tác quân sự song phương, đặc biệt nhấn mạnh vào việc cải thiện khả năng tương tác, trao đổi thông tin tình báo và chia sẻ các căn cứ. Tháng 5 năm 2006, SCC đã đưa ra 'Lộ trình Thực hiện Tái tổ chức'. Lộ trình này được thiết kế để nâng cao năng lực của liên minh Hoa Kỳ – Nhật Bản nhằm đối phó với các cuộc khủng hoảng an ninh, đồng thời giảm gánh nặng mà các căn cứ của Hoa Kỳ đặt lên các cộng đồng địa phương, đặc biệt là ở Okinawa, nơi phải tiếp nhận một số lượng lớn một cách bất tương xứng các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ tại Nhật Bản.

Sự chấp thuận của Nhật Bản đối với việc di dời Quân đoàn I, Lục quân Hoa Kỳ (một lực lượng triển khai nhanh với phạm vi địa lý bao quát cả Châu Á – Thái Bình Dương và Trung Đông) từ lục địa Mỹ đến Doanh trại Zama ở Kanagawa, bắt đầu vào năm 2008, ngụ ý rằng Nhật Bản hiện nay sẽ đóng vai trò như một trung tâm chỉ huy tiền phương cho quá trình triển khai sức mạnh toàn cầu của Hoa Kỳ. Các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản từ lâu đã nhận thấy rằng Hoa Kỳ đã sử dụng các căn cứ của họ ở Nhật Bản cho việc triển khai các lực lượng ra ngoài phạm vi địa lý của hiệp ước an ninh, vốn chỉ được giới hạn đến vùng Viễn Đông. Điều này được thể hiện qua hành động gửi Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ và các thiết bị của Hạm đội 7 từ Nhật Bản đến chiến đấu trong Chiến tranh Iraq. Tuy nhiên, Nhật Bản đã xác nhận rằng những lực lượng này trước tiên phải được triển khai từ Nhật Bản đến một khu vực ở vùng Viễn Đông và sau đó được tái triển khai đến khu vực

Trung Đông, nghĩa là các lực lượng này không triển khai trực tiếp theo Điều 6 của Hiệp ước. Cùng với DPRI, hiện nay các nhà hoạch định chính sách đã chấp nhận một thực tế về việc vi phạm cách hiểu trước kia về phạm vi địa lý của hiệp ước khi chỉ bao quát vùng Viễn Đông và Châu Á – Thái Bình Dương, một thay đổi mà họ đã biện hộ trước công chúng rằng hành động triển khai quân của Hoa Kỳ ra ngoài khu vực có thể đóng góp cho an ninh của Nhật Bản, và được cho phép miễn là chúng không cản trở khả năng Hoa Kỳ bảo vệ Nhật Bản.³⁹ Việc di dời lực lượng phản ứng nhanh CRG của Nhật Bản đến Doanh trại Zama từ năm 2008 đến 2012 sẽ tăng cường hơn nữa khả năng tương tác trong triển khai sức mạnh giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản.

Hợp tác liên minh giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ cũng diễn ra trong lĩnh vực Phòng thủ tên lửa đạn đạo (BMD). Sự đồng ý của Nhật Bản theo DPRI nhằm thành lập Trung tâm Phối hợp Hoạt động chung Song phương (BJOCC) tại Yokota, nơi đây cũng đặt căn cứ của ASDF và các hệ thống phòng không của Hoa Kỳ, sẽ ngày càng đòi hỏi việc chia sẻ thông tin theo dõi giám sát (sensor) và sự phối hợp giữa các lực lượng BMD của Nhật Bản và Hoa Kỳ. SCC đã xác nhận vào tháng 5 năm 2007 rằng Hoa Kỳ và Nhật Bản đã cam kết 'chia sẻ thường xuyên các thông tin về BMD và các hoạt động có liên quan trực tiếp với nhau dựa trên nền tảng nhanh chóng, liên tục'.⁴⁰ Theo DPRI, Nhật Bản cũng đã cho phép Hoa Kỳ triển khai các thiết bị BMD bổ sung, bao gồm hệ thống radar X-band tại Kashiri ở Thành phố Aomori, hệ thống PAC-3 ở Okinawa và, từ năm 2006, các tàu khu trục lớp *Aegis* với khả năng chống tên lửa đạn đạo, củng cố hơn nữa hợp tác song phương trong khu vực này. Hợp tác cũng được tăng cường bởi các cuộc tập trận chung từ năm 2005 để trao đổi thông tin theo dõi giám sát liên quan tới BMD, các cuộc thử nghiệm tên lửa SM-3 của Nhật Bản ngoài khơi Hawaii năm 2007 và 2008, và bởi dự án chung nhằm nâng cấp tên lửa đánh chặn BMD. Nhật Bản và Hoa Kỳ cũng đang phối hợp chặt chẽ trong giai đoạn chạy nước rút trước vụ thử tên lửa được lên kế hoạch của Bắc Triều Tiên vào tháng 4 năm 2009, với việc Nhật Bản huy động 2 tàu khu trục *Aegis* với khả năng chống tên lửa đạn đạo và Hoa Kỳ triển khai 5 tàu tuần dương *Aegis* với khả năng phòng thủ tên lửa quanh lãnh thổ Nhật Bản.⁴¹

Sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa Nhật Bản và Hoa Kỳ, và việc sở hữu hệ thống BMD *Aegis* tương thích phần lớn với hệ thống của Hoa Kỳ, có thể gia tăng những kỳ

³⁹ 'Kyokuto Joko no Seiyaku Kanwa', *Asahi Shimbun*, 12 November 2004, p. 1.

⁴⁰ Ministry of Foreign Affairs of Japan, 'Joint Statement of the Security Consultative Committee Alliance Transformation: Advancing United States–Japan Security and Defense Cooperation', 1 May 2007, <http://www.mofa.go.jp/region/n-america/us/security/scc/joint0705.html>.

⁴¹ 'Beigun no Igisukan 5seki, Nihon Shuhen ni Tenkai', *Yomiuri Shimbun*, 26 March 2009, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20090326-OYT1T0017.htm>.

vọng của Hoa Kỳ rằng Nhật Bản sẽ triển khai những thiết bị này trong việc hỗ trợ Hoa Kỳ và các liên quân đa quốc gia bên ngoài lãnh thổ của mình, có thể là trong các tình huống chiến đấu. Ngoài ra còn có những mong đợi rằng hệ thống BMD của Nhật Bản nên hoạt động nếu cần thiết để bảo vệ không chỉ Nhật Bản mà còn cả lãnh thổ Hoa Kỳ. Các nhà hoạch định chính sách và các quan chức Hoa Kỳ, trong đó có Đại sứ Schieffer, Phó Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng phụ trách Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương Richard Lawless và Bộ trưởng Quốc phòng Robert Gates, đã dần dần làm rõ hơn rằng Hoa Kỳ hy vọng Nhật Bản sử dụng các thiết bị BMD của mình giúp ngăn chặn các tên lửa nhằm vào đất nước họ.⁴² Ngoài ra, tháng 5 năm 2007, SCC đã thống nhất rằng cả hai quốc gia sẽ 'làm rõ các khái niệm, vai trò, và nhiệm vụ của mỗi bên trong việc tiến hành phòng thủ tên lửa và các hoạt động có liên quan để đối phó với những mối đe dọa về tên lửa đạn đạo', một tuyên bố giải thích trước giới truyền thông Nhật Bản khi yêu cầu Nhật Bản nghiên cứu khả năng sử dụng các thiết bị BMD để hỗ trợ việc bảo vệ chính Hoa Kỳ.⁴³ Vì vậy, mặc dù Nhật Bản phản đối một cách công khai việc kết hợp hệ thống BMD của mình vào các kế hoạch phòng thủ tên lửa toàn cầu của Hoa Kỳ, nhưng họ vẫn mặc nhiên trở thành một bộ phận quan trọng và không thể tách rời trong việc hỗ trợ sức mạnh khu vực và toàn cầu của Hoa Kỳ trong lĩnh vực này.

Những nỗ lực của Nhật Bản và Hoa Kỳ để mở rộng ranh giới của sự hợp tác liên minh trong những năm gần đây không phải là không gặp phải khó khăn. Các cuộc đàm phán DPRI cho thấy khó khăn và mất nhiều thời gian hơn mong đợi. Hoa Kỳ thường xuyên bày tỏ thất vọng với mối quan tâm rõ ràng của Nhật Bản về chính trị trong nước, tìm cách giảm bớt gánh nặng lên cộng đồng địa phương hơn là tập trung vào khả năng tương tác liên minh. Do đó, các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ đã gán cho DPRI là một cuộc mặc cả 'bất động sản' liên quan tới các căn cứ hơn là một cuộc đàm phán giữa các nước đồng minh với các mục tiêu chiến lược mới cụ thể trong thế giới hậu 11/9.⁴⁴ Hoa Kỳ còn thất vọng hơn nữa bởi sự miễn cưỡng của Nhật Bản, một khi DPRI được ký kết, để thảo luận về một điều chỉnh mới hoàn toàn về Hướng dẫn Hợp tác Quốc phòng. Như vậy, Nhật Bản tiếp tục cố gắng hạn chế nếu có thể các cam kết liên minh của mình đối với Hoa Kỳ; đặc biệt, họ tiếp tục

⁴² 'Schieffer's Call for Missile Defense Help Raises Constitution Issue', *Japan Times Online*, 28 October 2006, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn20061028a7.html>; 'Collective Defense Ban Crazy: Lawless', *ibid.*, 7 December 2006, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn.20061207a3.html>; 'US Calls on Japan To Shield It From Missiles', *ibid.*, 17 May 2007, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn20070517a2.html>.

⁴³ 'Japan, US Vow Tighter Military, Security Ties', *ibid.*, 2 May 2007, <http://search.japantimes.co.jp/print/nn20070502a2.html>; 'Nichibei, Gunji Himitsu Hogo e Kyotei 2 Purasu 2 de Goi', *Asahi Shimbun*, 2 May 2007, <http://www.asahi.com/politics/update/0501/TKY200705010443.html>.

⁴⁴ 'Senryaku Buntan Nao Futomei', *ibid.*, 2 May 2006, p. 4.

làm xáo trộn lập trường của mình về hỗ trợ quân sự trong trường hợp có một cuộc khủng hoảng khác xảy ra liên quan tới Đài Loan.

Người kế nhiệm Thủ tướng Koizumi cũng thấy khó mà thực hiện tất cả các biện pháp đã thống nhất trong Lộ trình năm 2006 với nhịp độ có thể làm thỏa mãn Hoa Kỳ. Tháng 5 năm 2007, chính phủ của ông Abe đã thông qua Luật Thúc đẩy Tổ chức lại các Lực lượng của Hoa Kỳ ở Nhật Bản, cung cấp ngân sách cần thiết và các khoản trợ cấp cho chính phủ địa phương để bảo đảm cho việc di dời các căn cứ quân sự của Hoa Kỳ tới Guam. Nhật Bản và Hoa Kỳ sau đó đã tiến hành các cuộc đàm phán kéo dài, với việc Nhật Bản mong muốn đảm bảo rằng sự đóng góp ước tính ban đầu của mình từ 6 tỷ đô la đến tổng cộng là 10 tỷ đô la cho các chi phí di dời sẽ không tăng lên, và có đủ sự minh bạch để đảm bảo rằng nguồn tài chính mà Nhật Bản cung cấp chỉ được sử dụng cho việc xây dựng các cơ sở mới của Thủy quân Lục chiến trên đảo Guam. Các cuộc đàm phán này đã không tránh khỏi sự phản đối từ DPJ, đang quan tâm đến chi phí tổng thể và sự minh bạch. Thất vọng nhất cho cả Nhật Bản và Hoa Kỳ là vẫn không có dấu hiệu tiến bộ đáng kể nào liên quan tới việc di dời căn cứ không quân của Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ từ Futenma đến Nago, vốn là một vấn đề được hai bên cho là quan trọng. Thành phố Okinawa yêu cầu thay đổi vị trí của đường băng mới tại Nago dựa trên những lý lẽ về an toàn và bảo vệ môi trường, và chính phủ Nhật Bản vẫn chưa quyết định liệu họ có sẵn lòng chấp nhận sự thay đổi này hay không, trong khi Hoa Kỳ khẳng định rằng vị trí, đã được thống nhất theo DPRI, nên được duy trì. Cả hai bên đã tìm kiếm một giải pháp đối với vấn đề Futenma trong hơn một thập kỷ. Tuy nhiên, các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản có một vài cơ sở để lạc quan về DPRI, khi Thành phố Iwakuni cuối cùng đã đồng ý chấp nhận việc di dời đội tàu sân bay Hoa Kỳ từ Atsugi vào tháng 3 năm 2008. Do đó, những mảnh ghép phức tạp của DPRI lần lượt được đặt vào đúng vị trí.

Cũng có những khác biệt ở cấp độ chiến lược rộng lớn hơn. Nhật Bản lo lắng rằng Hoa Kỳ đã không phản ứng một cách đầy đủ với những thay đổi gần đây trong quan hệ đồng minh bằng cách tăng cường sự ủng hộ của mình cho các lợi ích chiến lược và các tham vọng quyền lực nước lớn của Nhật Bản. Các nhà hoạch định chính sách Nhật Bản không hài lòng với sự ủng hộ chỉ mang tính chất thụ động của chính quyền Tổng thống Bush đối với nỗ lực của họ nhằm đạt được chiếc ghế thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc vào năm 2005, và họ cũng bất mãn bởi chính quyền Bush đã từ chối việc cung cấp máy bay tiêm kích F-22 và thất vọng bởi sự bỏ rơi thực sự của Hoa Kỳ đối với Nhật Bản trong vấn đề người Nhật bị bắt cóc ở Bắc Triều Tiên, trong khi Washington lại theo đuổi một thỏa thuận hạt nhân với Bình Nhưỡng vào cuối năm 2008. Chính quyền Bush về phần mình thỉnh

thoảng cũng bồi rối bởi thái độ đối đầu với Trung Quốc của Nhật dưới thời Thủ tướng Koizumi và Abe về các vấn đề lịch sử, và đối với Bắc Triều Tiên về chương trình hạt nhân và vấn đề người Nhật bị bắt cóc, đến mức cản trở tiến triển trong các cuộc Đàm phán Sáu bên. Các quan chức Hoa Kỳ cũng phát cáu bởi sự chỉ trích công khai của ông Kyuma và Bộ trưởng Ngoại giao Aso đối với chính sách chiếm đóng của Hoa Kỳ ở Iraq. (Ông Aso đã gọi sự chiếm đóng của Hoa Kỳ là 'ngây thơ', và những bình luận không tốt của ông Kyuma đã dẫn đến việc Hoa Kỳ bác bỏ đề nghị của Nhật Bản về một hội nghị thượng đỉnh quốc phòng.⁴⁵) Các mối quan hệ an ninh cũng gặp rắc rối bởi những khó khăn trong các điều khoản hỗ trợ tài chính của Nhật (Host nation support - HNS) đối với các căn cứ của Hoa Kỳ. Đảng DPJ và các đảng đối lập đã cản trở một thỏa thuận HNS mới tại Quốc hội vào tháng 3 năm 2008 với lý do thiếu minh bạch, buộc chính phủ Nhật Bản phải yêu cầu Hoa Kỳ đáp ứng những chi phí cơ bản tạm thời trước khi họ có thể sử dụng đa số phiếu để thúc đẩy thông qua ngân sách của HNS trong tháng 5. Cuối cùng, các mối quan hệ an ninh bị ảnh hưởng theo chu kỳ bởi các vụ phạm tội liên quan đến binh lính Hoa Kỳ ở Okinawa và trên đất liền của Nhật Bản.

Bất chấp những khó khăn và bất đồng kể trên, Nhật Bản và Hoa Kỳ phần lớn đã tiếp tục đạt được nhiều tiến triển với việc củng cố liên minh về dài hạn. Các cuộc tập trận chung được tăng cường, với khoảng 30 đợt được tổ chức hàng năm. Lần đầu tiên, vào tháng 2 năm 2007, GSDF và Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ đã tổ chức các cuộc tập trận chung tại Doanh trại Pendleton, California, mô phỏng việc tái chiếm lãnh thổ Nhật Bản. Nhật Bản lần đầu tiên chấp nhận làm căn cứ cho một tàu sân bay sử dụng năng lượng hạt nhân của Hoa Kỳ, với việc Washington đã triển khai của tàu sân bay USS *George Washington* đến Yokosuka vào tháng 9 năm 2008 để thay thế cho tàu sân bay *Kitty Hawk* dùng năng lượng truyền thống sắp về hưu. Công chúng Nhật Bản bày tỏ sự lo ngại về an toàn hạt nhân, nhưng sự quyết tâm của Tokyo đẩy mạnh việc triển khai tàu sân bay *George Washington* là một yếu tố quan trọng trong quá trình tăng cường sức mạnh của hải quân Hoa Kỳ xung quanh Nhật Bản và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, nếu xem xét tới vận tốc lớn hơn, phạm vi hoạt động xa hơn và nguồn cung ứng nhiên liệu nhiều hơn cho máy bay của tàu sân bay năng lượng hạt nhân. Nhật Bản và Hoa Kỳ cũng đã ký kết Hiệp ước An ninh Thông tin Quân sự chung (GSMIA) vào tháng 8 năm 2007, được thiết kế để tăng cường trao đổi thông tin quân sự sau các vụ bê bối liên quan đến rò rỉ dữ liệu của hệ thống *Aegis*, và đưa Nhật Bản vào hàng ngũ những đồng minh lớn nhất của

⁴⁵ 'Abe's Gov't Downplays Yet Another Minister Remark on US Policy', *Kyodo News on Yahoo! News Asia*, 5 February 2007, <http://asia.news.yahoo.com/070205/kyodo/d8n3i1080.html>.

Hoa Kỳ.⁴⁶ Nhật Bản thậm chí còn được báo cáo vào tháng 11 năm 2008 là đã bắt đầu làm việc với Hoa Kỳ về kế hoạch mới cho các tình huống bất ngờ của khu vực, với việc Tokyo cuối cùng đã bắt đầu chỉ định các sân bay cảng biển dân sự cụ thể cũng như các cơ sở y tế để Hoa Kỳ sử dụng trong các cuộc xung đột.⁴⁷ Do đó, Nhật Bản và Hoa Kỳ có thể đã đạt được mức độ hoạch định tác chiến sâu sắc hơn bất cứ thời điểm nào trong thời kỳ hậu chiến.

Hợp tác quân sự giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản có vẻ sẽ được tăng cường dưới thời chính quyền Obama. Trong chuyến thăm Nhật Bản của Ngoại trưởng Hillary Clinton vào tháng 2 năm 2009, hai bên cuối cùng đã ký thỏa thuận về chi phí di dời của các đơn vị Thủy quân Lục chiến đến Guam, và việc này đã được đệ trình lên Quốc hội phê chuẩn vào tháng 3 năm 2009. Thực tế, chính quyền Obama có thể thực hiện một đường lối hơi khác biệt về hợp tác đồng minh, được thể hiện bằng thái độ tương đối dễ chịu đối với khả năng JSDF có thể không được triển khai đến Afghanistan. Ngược lại với chính quyền Bush, chính quyền Obama có thể ít quan tâm hơn đến việc triển khai nhân lực của các binh lính và thủy thủ Nhật Bản, và thay vào đó có thể tìm kiếm sự đóng góp lớn hơn của Nhật Bản về mặt tài chính và khả năng phòng thủ của JSDF trong và xung quanh Nhật Bản, cho phép Hoa Kỳ triển khai sức mạnh một cách tự do hơn ở Đông Á và trên toàn cầu.

Kết luận

Trong thời kỳ hậu Koizumi, chính phủ Nhật Bản chắc chắn đã nhận thấy họ gặp khó khăn hơn trong việc duy trì các cam kết quân sự bên ngoài, được thể hiện bởi những khó khăn trong việc tiếp tục sứ mệnh của MSDF ở Ấn Độ Dương và việc rút GSDF và ASDF khỏi Iraq. Tuy nhiên, Nhật Bản đã cố gắng để duy trì vị thế chắc chắn của mình ở Ấn Độ Dương, và âm thầm tìm hiểu nhiều cách thức khác để có thể triển khai JSDF đến Afghanistan và trong các sứ mệnh chống cướp biển. Nhật Bản cũng thăm dò các mối quan hệ quân sự mới với Australia và Ấn Độ. Trong khi đó, hợp tác đồng minh với Hoa Kỳ tiếp tục được củng cố thông qua quy trình DPRI. Quy trình có thể đã chậm lại kể từ thời chính quyền Koizumi, nhưng nhiều yếu tố chính liên quan đến việc tái cơ cấu hợp tác đồng minh đã được tiếp tục thông qua, bao gồm tăng cường khả năng tương tác giữa JSDF và quân đội Hoa Kỳ, sự chấp nhận các thiết bị quân sự mới với năng lực mạnh mẽ hơn của Hoa Kỳ

⁴⁶ 'Japan, the US Clarify Rules on Handling Secret Data', *Japan Times Online*, 11 August 2007, <http://searchjapantimes.co.jp/print/nn20070811a5.html>.

⁴⁷ 'Chosen Yuji no Nichibeishi Sakusen, Ryoseifu Bappon Minaoshi ni Chakutei', *Yomiuri Shimbun*, 11 November 2008, <http://www.yomiuri.co.jp/politics/news/20081110-OYT1T00720.htm>.

trên đất Nhật Bản nhằm đẩy mạnh triển khai sức mạnh của Hoa Kỳ tại khu vực và trên toàn cầu, sự linh hoạt lớn hơn dựa theo hiệp ước an ninh để các thiết bị này được triển khai bên ngoài Nhật Bản, và sự ủng hộ của Nhật cho hệ thống phòng thủ tên lửa toàn cầu của Hoa Kỳ.

Quan hệ đồng minh với Hoa Kỳ từ lâu đã được Hoa Kỳ, Trung Quốc và các quốc gia khác trong khu vực xem như là một phương tiện để ngăn chặn sức mạnh quân sự của Nhật Bản trở dậy. Như trong câu nói nổi tiếng của cựu chỉ huy Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ Trung tướng Henry Stackpole vào năm 1990, mối quan hệ đồng minh Mỹ-Nhật đóng vai trò là “cái nắp chai” (cap in the bottle) của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Tuy nhiên, chính Hoa Kỳ đã dần dần khuyến khích việc mở rộng vai trò quân sự Nhật Bản ra bên ngoài trong khuôn khổ hợp tác đồng minh.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Các bài dịch học thuật của Dự án được đăng tại chuyên mục [Biên dịch](#). Danh mục rút gọn của các bài dịch này được đăng trên trang [Mục lục](#).

Từ tháng 6/2014, Dự án còn xuất bản chuyên mục [Bình luận](#) để đăng các bài bình luận tiêu biểu của các tác giả Việt Nam hoặc dịch từ các nguồn tiếng Anh uy tín về các vấn đề quan hệ quốc tế và chính sách đối ngoại Việt Nam. Ngoài ra, Dự án cũng ra mắt chuyên mục [Ấn phẩm](#) để chia sẻ các bài viết nghiên cứu về quan hệ quốc tế bằng tiếng Việt và tiếng Anh với sự cho phép của các tác giả liên quan.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
